

Bản án số: 16 /2020/HS-ST

Ngày **24-3-2020**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Khăm Niên;

Ông Vang Kiên Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ái- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Lô Văn Tim- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 138/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: P Đ P, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 07 tháng 9 năm 1951 tại huyện Yên Thành tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 5, xã Đ S, huyện A S, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông P Đ H và con bà N T N (Đều đã chết); Bị cáo có vợ: N T Á và 03 con; tiền sự: Không, Nhân thân: Ngày 22/5/2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tương Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Bị cáo tự nguyện thi hành hình phạt bản án số 50/2019/HS-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An từ ngày 15/7/2019 đến nay. Có mặt

- Bị hại

+ Ông L Đ Q, sinh năm 1953. Trú tại: Bản Đ T, xã T Đ, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An (Có mặt)

+ Ông L C P(Đã chết)

Người đại diện theo pháp luật ông Lương Công P:

+ Bà K T T, sinh năm 1951; Các anh L V T, sinh năm 1973; L V C, sinh năm 1976; L V O, sinh năm 1982; L V K sinh năm 1979 và các chị L T H, L T C, L T B; Điều cư trú tại địa chỉ: Bản Đ T, xã T Đ, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; do anh L V K là người đại diện theo uỷ quyền (Có mặt).

- *Người làm chứng:* Anh L Đ N, ông K X Đ (Điều vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác để tiêu xài cá nhân nên vào năm 2012, sau khi gặp và quen biết ông K X Đ, P Đ P nói với ông Đại là mình có thể chạy hồ sơ hưởng chế độ nhiễm chất độc da cam, nếu có ai muốn làm thì giới thiệu cho P. Do tin tưởng P Đ P có thể làm hồ sơ hưởng chế độ nhiễm chất độc da cam nên ông K X Đ đã giới thiệu ông L Đ Q và ông L C P cho P Đ P. Sau khi gặp, P Đ P hứa hẹn sẽ giúp ông các ông Q và ông P làm hồ sơ để được hưởng chế độ nhiễm chất độc da cam, đồng thời yêu cầu ông Q và ông P mỗi người phải đưa trước cho P số tiền 5.000.000đ. Ngày 04/3/2012, ông Q và ông P đã đưa tiền theo yêu cầu của ông P. Đến ngày 20/3/2012, P Đ P đến nhà yêu cầu ông Q và ông P mỗi người phải đưa tiếp cho P số tiền 5.000.000đ. Đến ngày 01/4/2012, P Đ P tiếp tục đến nhà riêng của ông P lấy thêm 18.000.000đ. Ngày 14/4/2012 P Đ P tiếp tục đến nhà ông L Đ Q lấy thêm của ông Q 30.000.000đ. Tổng số tiền P Đ P nhận từ ông L Đ Q là 40.000.000đ, nhận từ ông L C P là 28.000.000đ.

Sau khi đưa tiền cho P Đ P nhờ chạy làm hồ sơ để được hưởng chế độ nhiễm chất độc da cam nhưng thấy P vẫn không chạy được nên các ông L Đ Q và L C P đã nhiều lần gặp và đòi lại tiền. Tuy nhiên, P Đ P tìm cách lẩn tránh hoặc viện nhiều lý do để không chịu trả, khi thấy những người bị mình lừa đảo đòi tiền ráo riết nên P Đ P mới trả lại cho ông L Đ Q 19.000.000đ, trả lại cho ông L C P 20.000.000đ. Số tiền còn lại 29.000.000đ P đã tiêu xài hết.

Bản cáo trạng số 01/CT-VKS-HS ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương đã truy tố P Đ P về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố của Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo P Đ P từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, về tội “Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản”; Miễn hình phạt bổ sung, án phí dân sự, hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền chiếm đoạt còn lại cho bị hại.

Phân giải thích quyền và nghĩa vụ bị cáo đồng ý để Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án mà không yêu cầu luật sư bào chữa mặc dù giai đoạn điều tra bị cáo đề nghị điều tra viên được mời luật sư tham gia tố tụng nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại và người đại diện theo uỷ quyền, không có ý kiến gì tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng trước Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để nhanh chóng trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên việc bị cáo yêu cầu người bào chữa trong giai đoạn điều tra nhưng không có căn cứ để khẳng định bị cáo đã yêu cầu cơ quan điều tra thực hiện quyền này, mặt khác tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu người bào chữa mà tự bào chữa cho mình. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo P Đ P đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng đã được công bố công khai tại phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 04 tháng 3 năm 2012 đến ngày 14 tháng 4 năm 2012, P Đ P đã có hành vi gian dối đưa ra thông tin giả là mình có thể chạy làm hồ sơ hưởng chế độ miễn chất độc da cam để chiếm đoạt của những bị hại là các ông L Đ Q và L C P tổng số tiền 68.000.000đ (*Sáu mươi tám triệu đồng*). Hành vi, động cơ, mục đích của bị cáo và định lượng tài sản bị chiếm đoạt đủ yếu tố cấu thành tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Như vậy quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân

dân huyện Tương Dương đối với bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hậu quả của vụ án: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự cố ý thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ gây hoang mang cho quần chúng nhân dân cho nên việc cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian là cần thiết nhằm giáo dục riêng, phòng ngừa chung tội phạm.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong khoảng thời gian ngắn bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mỗi lần như vậy đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên phải áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Tuy bị cáo đã bị kết tội một lần đối với hành vi phạm tội thực hiện sau hành vi phạm tội bị đưa ra xét xử lần này nên không được coi là tái phạm.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thái độ khai báo của bị cáo là thành khẩn, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo là thương binh hạng 4/4, trước khi bị tố giác bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, bố bị cáo được nhận huân chương kháng chiến hạng ba nên Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, x, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, rồi tổng hợp hình phạt của nhiều bản án buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung theo Điều 56 Bộ luật hình sự.

[6] Hình phạt bổ sung: Kết quả xác minh tài sản của bị cáo chỉ đủ duy trì cuộc sống thiết yếu hàng ngày và không có tài sản nào được tạo lập từ việc phạm tội nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông L Đ Q yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 21.000.000đ. Ông L C Pchét không để lại di chúc và anh L V K đại diện theo ủy quyền của những người đại diện theo pháp luật của ông P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000đ, bị cáo đều đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự định đoạt này.

[8] Án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là thương binh nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên miễn toàn bộ án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo P Đ P phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174, các điểm b, x, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 56 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: **P Đ P 01 (Một)** năm 08 (Tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 50/2019/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (Bốn) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2019.

- Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo P Đ P phải bồi thường cho ông L Đ Q số tiền 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng) và bồi thường cho Bà K T T; Các anh L V T; L V C; L V O; L V K và các chị L T H, L T C, L T B thông qua người đại diện theo ủy quyền là anh L V K số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng)

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH miễn toàn bộ tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo P Đ P.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người đại diện theo ủy quyền có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 24/3/2020.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh NA;
- VKSND huyện Tương Dương;
- Công an huyện Tương Dương;
- Bị cáo, Trại tạm giam;
- Bị hại, người đại diện theo ủy quyền;
- Sở Tư Pháp tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Tương Dương;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Lam

